

Rx : Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

CARBAMOL-BFS

Methocarbamol 1000 mg/10 ml

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thành phần

Mỗi ống 10 ml có chứa:

Thành phần hoạt chất: Methocarbamol 1000 mg/10 ml

Thành phần tá dược: Polyethylen glycol (PEG), Ethylene Diamine Tetraacetic acid dinatri (EDTA), Natri hydroxid*, Acid hydrocloric*, Nước cất pha tiêm

Dạng bào chế: Dung dịch tiêm

Mô tả: Dung dịch trong suốt

pH: 3,5 – 6,0

Chỉ định

Hỗ trợ trong vật lý trị liệu, giảm đau trong rối loạn cơ xương cấp tính gây co thắt cơ bắp, đau đớn.

Liều lượng và cách dùng

Liều lượng

Tổng liều người lớn không nên vượt quá 30 ml (3 ống) một ngày trong hơn 3 ngày liên tiếp. Nếu triệu chứng không giảm, liều dùng có thể được lặp lại sau khoảng 48 giờ không sử dụng thuốc. Liều lượng và tần suất tiêm nên được dựa trên mức độ nghiêm trọng của tình trạng bệnh và đáp ứng điều trị được ghi nhận.

Cách dùng

Carbamol-BFS được tiêm tĩnh mạch hoặc tiêm bắp

Tiêm tĩnh mạch

Thuốc Carbamol-BFS có thể được tiêm tĩnh mạch với tốc độ tối đa 3 ml/phút. Thuốc cũng có thể được truyền tĩnh mạch bằng cách pha loãng bằng dung dịch truyền natri clorid 0,9% hoặc dung dịch glucose 5%. Một lọ không nên pha loãng đến hơn 250 ml, và sau khi pha loãng thì không bảo quản trong tủ lạnh.

Chăm sóc bệnh nhân sau khi tiêm cần phải được thực hiện để tránh thoát mạch, bệnh nhân nên được cho nằm yên tại chỗ trong ít nhất 10 – 15 phút sau khi tiêm.

Tiêm bắp

Khi tiêm bắp, không nên tiêm quá 5 ml vào từng vùng mông. Việc tiêm có thể lặp đi lặp lại sau khoảng 8 giờ nếu cần thiết. Khi đạt được tác dụng, có thể duy trì liều bằng dạng viên nén.

Chống chỉ định

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Bệnh nhân hôn mê hoặc tiền hôn mê.

Bệnh nhân có tiền sử tổn thương não hoặc động kinh.

Nhược cơ

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Bệnh nhân suy giảm chức năng thận và gan.

Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú

Phụ nữ có thai

Nghiên cứu về việc ảnh hưởng đến khả năng sinh sản trên động vật của methocarbamol đã không được tiến hành, và cũng không có dữ liệu để khẳng định methocarbamol có thể gây nguy hiểm cho thai nhi khi sử dụng cho phụ nữ có thai hay ảnh hưởng đến khả năng sinh sản. Vì vậy, methocarbamol không nên được sử dụng cho phụ nữ đang hoặc có thể có thai và đặc biệt là trong thời kỳ đầu thai kỳ trừ khi đánh giá lợi ích vượt trội nguy cơ.

Phụ nữ đang cho con bú

Methocarbamol và/hoặc các chất chuyển hóa của nó được bài tiết trong sữa của chó, tuy nhiên chưa có dữ liệu về bài tiết methocarbamol qua sữa mẹ. Do đó nên thận trọng khi sử dụng thuốc methocarbamol cho phụ nữ đang cho con bú.

Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc

Methocarbamol có thể gây chóng mặt hoặc buồn ngủ. Do đó cần cảnh báo bệnh nhân.

Tương tác, tương kỵ của thuốc

Methocarbamol làm tăng tác dụng của thuốc chống trầm cảm và các chất gây kích thích thần kinh trung ương khác bao gồm rượu, thuốc an thần, thuốc gây mê và thuốc gây chán ăn. Tác dụng của các thuốc kháng cholinergic, ví dụ như atropin và một số thuốc hướng tâm thần có thể được tăng cường bởi methocarbamol.

Methocarbamol có thể ức chế tác dụng của bromid pyridostigmin. Thuốc có thể gây nhiều màu sắc trong các xét nghiệm sàng lọc cho acid 5 – hydroxyindolacetic (5 – HIAA) khi sử dụng thuốc thử nitrosoaphtol và xét nghiệm sàng lọc cho acid vanillymandelic (VMA) bằng cách sử dụng phương pháp Gitlow.

Tác dụng không mong muốn

Các phản ứng có hại của thuốc từ các thử nghiệm lâm sàng được phân loại theo tần số. Nhóm tần số được xác định theo quy ước sau:

- Rất thường gặp: $\geq 1/10$
- Thường gặp: $\geq 1 / 100$ đến $< 1/10$
- Ít gặp: $\geq 1/1000$ đến $< 1/100$
- Hiếm gặp: $\geq 1/10.000$ đến $< 1/1.000$
- Rất hiếm: $< 1/10.000$

Hệ thống	Tần suất	Biểu hiện
Rối loạn chung	Hiếm gặp	Nhức đầu, sốt, phù mạch
Rối loạn tiêu hóa	Rất hiếm	Buồn nôn, nôn
Rối loạn hệ thần kinh	Hiếm gặp Rất hiếm	Chóng mặt Nhìn mờ, buồn ngủ, run, co giật
Rối loạn tâm thần	Rất hiếm	Bồn chồn, lo lắng, hoang mang, chán ăn
Da và các rối loạn mô dưới da	Hiếm gặp	Phản ứng quá mẫn (ngứa, phát ban da, nổi mề đay)
Rối loạn mắt	Hiếm gặp	Viêm kết mạc, nghẹt mũi

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Quá liều và cách xử trí

Quá liều

Quá liều methocarbamol thường là khi sử dụng kết hợp với rượu hoặc các thuốc chống trầm cảm tác động lên thần kinh trung ương khác, bao gồm các triệu chứng: buồn nôn, buồn ngủ, nhìn mờ, hạ huyết áp, co giật và hôn mê.

Xử trí

Xử trí quá liều bao gồm điều trị triệu chứng và hỗ trợ. Các biện pháp hỗ trợ bao gồm duy trì thông khí, theo dõi lượng nước tiểu, và các dấu hiệu quan trọng.

Đặc tính dược lực học

Nhóm dược lý: thuốc giãn cơ

ATC Code: M03BA03

Cơ chế tác dụng của methocarbamol trên người có thể là do ức chế hệ thần kinh trung ương, cho tác dụng giãn cơ. Thuốc không tác động trực tiếp vào cơ chế co bóp của cơ vân, tằm vận động hoặc các sợi thần kinh.

Đặc tính dược động học

Hấp thu và phân bố

Methocarbamol liên kết với protein huyết tương từ 46% đến 50%.

Chuyển hóa

Methocarbamol được chuyển hóa qua gan, thông qua phản ứng dealkyl hóa và hydroxyl hóa

Thải trừ

Một lượng nhỏ methocarbamol không chuyển hóa và toàn bộ chất chuyển hóa được thải trừ qua nước tiểu, thời gian bán thải từ 1 đến 2 giờ.

Đối tượng bệnh nhân đặc biệt

Bệnh nhân suy thận

Độ thanh thải của methocarbamol ở bệnh nhân suy giảm chức năng thận giảm, chỉ khoảng 40% so với người bình thường, mặc dù thời gian bán thải của hai nhóm là tương tự nhau.

Bệnh nhân suy gan

Ở bệnh nhân suy gan thứ phát do sử dụng rượu, độ thanh thải trung bình của methocarbamol đã giảm khoảng 70% so với người bình thường, và thời gian bán thải của thuốc kéo dài hơn đến khoảng 3,4 giờ. Tỷ lệ liên kết protein huyết tương giảm còn khoảng 40 – 45% so với 46 – 50% ở người bình thường.

Quy cách đóng gói

Hộp 10 túi nhôm x 1 ống nhựa x 10 ml.

Bảo quản

Trong bao bì kín, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C. Dung dịch sau pha loãng bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C

Hạn dùng

36 tháng kể từ ngày sản xuất khi bảo quản trong bao bì kín.

Dung dịch sau pha loãng sử dụng trong vòng 6 giờ.

Tiêu chuẩn chất lượng

Tiêu chuẩn cơ sở.

Nhà sản xuất



Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Kích thước: 95 x 300 mm

Thay đổi tá dược theo CV 9015e/QLD-ĐK 20/05/2026